

Số: 02/2022/QĐST - DS

G, ngày 27 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2, Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 09/2021/TLST- DS, ngày 16 tháng 12 năm 2021.

**XÉT THẤY**

Thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (NCB)

Địa chỉ: 28C- 28D phố B, phường H, quận H, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: bà Bùi Thị Thanh H- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Đình T- Phó Tổng Giám đốc.

Ông Nguyễn Đình T uỷ quyền lại cho bà Đào Thị Minh Ng, sinh năm 1974 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (NCB) tham gia tố tụng.

- Bị đơn: Vợ chồng anh Bùi Công A, sinh năm 1992 và chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992. Chị Th uỷ quyền cho anh Bùi Công A.

Đều trú tại: xóm 3 Th, xã G, huyện G, tỉnh N.

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

### 2.1. Về nội dung anh Bùi Công A và chị Nguyễn Thị Th và Ngân hàng TMCP Q (NCB) cùng thống nhất như sau:

Ngân hàng TMCP Q (NCB) và bên vay vợ chồng anh Bùi Công A, chị Nguyễn Thị Th cùng xác định đã ký Hợp đồng cho vay số 018/16/HĐCV/104 - 64, ngày 19/9/2016, số tiền vay là 370.000.000 đồng, lãi suất vay chi tiết theo Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đính kèm; thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Quá trình thực hiện hợp đồng vay vợ chồng anh A, chị Th đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 73.843.737 đồng; tiền lãi là 54.373.762 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 128.217.499 đồng. Đến ngày 31/05/2019, anh Bùi Công A tự nguyện bàn giao 01 xe ô tô Chevrolet Aveo, biển kiểm soát 35A- 076.81, đăng ký xe mang tên Bùi Công A (là tài sản bảo đảm) cho Ngân hàng NCB xử lý thu hồi nợ. Qua nhiều lần thông báo bán đấu giá, đến ngày 20/02/2020, Ngân hàng NCB đã bán đấu giá thành tài sản bảo đảm là chiếc xe trên theo thủ tục bán đấu giá với giá là 203.391.000 đồng sau khi trừ đi các chi phí số tiền còn lại là 173.248.848 đồng, Ngân hàng NCB đã thu số tiền trên vào nợ gốc. Như vậy, anh Bùi Công A và chị Nguyễn Thị Th còn nợ Ngân hàng NCB là 122.907.415 đồng tiền nợ gốc. Kể từ đó đến khi Ngân hàng TMCP Q NCB khởi kiện vụ việc ra Tòa án phía anh Bùi Công A và chị Nguyễn Thị Th ngừng trả nợ, vi phạm các cam kết đã ký trong hợp đồng vay. Tính đến ngày 19/5/2022 anh Bùi Công A và chị Nguyễn Thị Th còn nợ Ngân hàng NCB số tiền cụ thể: **229.516.380 đồng** (*hai trăm hai mươi chín triệu năm trăm mười sáu nghìn ba trăm tám mươi đồng*). Trong đó bao gồm: tiền gốc là 122.907.415 đồng; tiền lãi trong hạn là 83.294.717 đồng; tiền phạt gốc (lãi quá hạn) là 23.314.248 đồng.

### 2.2. Về trách nhiệm trả nợ:

Vợ chồng anh Bùi Công A và chị Nguyễn Thị Th có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q NCB tổng số nợ tính đến ngày 19/5/2022 là 229.516.380 đồng (*hai trăm hai mươi chín triệu năm trăm mười sáu nghìn ba trăm tám mươi đồng*). Trong đó bao gồm: tiền gốc là 122.907.415 đồng; tiền lãi trong hạn là 83.294.717 đồng; tiền phạt gốc (lãi quá hạn) là 23.314.248 đồng cùng các khoản tiền lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 018/16/HĐCV/104 - 64, ngày 19/9/2016 kể từ ngày 20/5/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

**2.3. Về án phí:** vợ chồng anh Bùi Công A và chị Nguyễn Thị Th phải nộp số tiền 5.737.900 đồng (*năm triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q NCB số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.189.000 đồng (*sáu triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0003971, ngày 16 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hữu Quốc**